

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST  
Ngày: 05 – 02 – 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại T1; địa chỉ Số 26X – 26X, đường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

1.1. Bà Nguyễn Đức Thạch D1; nơi làm việc Số 26X – 26X, đường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại T1 – vắng mặt).

1.2. Ông Cao Hồng S; nơi làm việc Số 35X, đường V1 tháng V2, Phường Z, thành phố L1, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 3978/2019/GUQ - PL ngày 16 tháng 12 năm 2019 – vắng mặt).

1.3. Anh Trần Quốc D2; nơi làm việc Số 1X, Tổ 1X, đường Đ, Khóm Q, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện của nguyên đơn theo ủy quyền lại của ông Cao Hồng Sơn (Văn bản ủy quyền số 617/2020/UQ-CNVL ngày 15 tháng 10 năm 2020 – có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1985; cư trú tại Ấp 6, xã L2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại T1 và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Trần Quốc D2 trình bày:*

Ngày 02/02/2018, anh Nguyễn Minh T2 cùng với Ngân hàng Thương mại T1 – Chi nhánh L – Phòng giao dịch B (gọi tắt là Ngân hàng T1) ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, kèm theo bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T1 (gọi tắt là bản Điều khoản và điều kiện) với nội dung: Anh T2 đề nghị Ngân hàng T1 mở sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng mong muốn số tiền 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân; việc thực hiện giao dịch thẻ, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, nghĩa vụ thanh toán nợ vay, phí dịch vụ thẻ, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, trích tiền từ tài khoản thanh toán nợ quá hạn, chuyển nợ quá hạn, chấm dứt quyền sử dụng thẻ, thu hồi nợ được thực hiện theo phê duyệt và theo quy định tại bản Điều khoản và điều kiện.

Ngày 05/02/2018, Ngân hàng T1 phê duyệt đồng ý cấp cho anh T2 thẻ tín dụng số 35XX80-5XX6, hạn mức sử dụng số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay tại thời điểm làm thẻ là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; sau 03 kỳ thông báo giao dịch liên tiếp, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền thanh toán tối thiểu sẽ chấm dứt quyền sử dụng thẻ, thu hồi toàn bộ nợ.

Quá trình sử dụng thẻ: Tính đến ngày 31/12/2019, dư nợ giao dịch qua thẻ số tiền 20.177.373 đồng. Sau đó, anh T2 không thanh toán tiền lãi, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức phát sinh trong 03 kỳ liên tục số tiền 2.600.146 đồng. Tính đến ngày 31/3/2020, tổng dư nợ số tiền 22.777.519 đồng. Căn cứ vào quy định của bản Điều khoản và điều kiện, Ngân hàng T1 chuyển toàn bộ dư nợ số tiền 22.777.519 đồng sang nợ quá hạn, chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi nợ.

Mặc dù, Ngân hàng T1 sử dụng nhiều phương thức thông báo yêu cầu trả nợ nhưng anh T2 cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T2 thanh toán trả gốc thêm được số tiền 4.000.000 đồng (ngày 31/12/2020 trả 2.000.000 đồng, ngày 11/01/2021 trả 2.000.000 đồng). Tính đến ngày 05/02/2021, anh T2 còn nợ Ngân hàng T1 số tiền 27.822.740 đồng (nợ gốc 18.777.519 đồng, nợ lãi quá hạn 9.045.221 đồng).

Nay, Ngân hàng T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh T2 có trách nhiệm trả nợ vay số tiền 27.822.740 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại đồng tín dụng kể từ ngày 06/02/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc số tiền 18.777.519 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng T1 không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:*

Anh Nguyễn Minh T2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

#### ***- Về tố tụng:***

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc loại vụ án tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về thủ tục xét xử:* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T2 theo thủ tục chung.

#### ***- Về nội dung:***

[1]. Xét việc xác lập, thực hiện quan hệ cho vay tín chấp theo hạn mức số tiền 20.000.000 đồng thông qua hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán, rút tiền mặt qua tài khoản thẻ ngân hàng, có thỏa thuận lãi suất cho vay, mức phí dịch vụ thẻ, phí liên quan đến hoạt động cho vay giữa Ngân hàng T1 và anh T2 trên cơ sở ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, kèm theo bản Điều khoản và điều kiện là đúng quy định về hoạt động cho vay, phát hành, cấp, sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng được quy định tại khoản 14 và khoản 15 Điều 4, Điều 91, Điều 94, các điểm a, d khoản 3 và điểm a khoản 6 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các khoản 1, 3 và 24 Điều 3, các điều 4, 5, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16 và 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; các điều 4, 10, 11, 12, 13, 14, 18, 23, 30 và 31 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[2]. Xét quá trình sử dụng thẻ, anh T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán liên tục trong 03 kỳ, sau đó không trả nợ. Nên việc Ngân hàng T1 căn cứ vào quy định của bản Điều khoản và điều kiện: Chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh T2; chuyển toàn bộ dư nợ tính đến ngày 31/3/2020 số tiền 22.777.519 đồng sang nợ quá hạn, tính lãi quá hạn; khởi kiện yêu cầu anh T2 trả nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 05/02/2021 tổng số tiền 27.822.740 đồng (nợ gốc 18.777.519

đồng, nợ lãi quá hạn 9.045.221 đồng) và tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp tín dụng kể từ ngày 06/02/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc số tiền 18.777.519 đồng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm k khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN; điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN.

[3]. Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các đoạn [1], [2] Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Tín giải quyết theo hướng như đã nhận định nêu trên.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T1 được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án giải quyết, anh T2 chịu án phí số tiền 1.391.137 đồng, hoàn trả cho Ngân hàng T1 được nhận lại số tiền 716.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại T1:**

1.1. Buộc anh Nguyễn Minh T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại T1 số tiền 27.822.740 (hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi) đồng.

1.2. Buộc anh Nguyễn Minh T2 có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi quá hạn cho Ngân hàng Thương mại T1 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 02 tháng 02 năm 2018 được chấp thuận phê duyệt ngày 05 tháng 02 năm 2018, kèm theo bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại T1. Thời

điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2021 cho đến khi anh T2 trả xong nợ gốc số tiền 18.777.519 (mười tám triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm mười chín) đồng.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

2.1. Buộc anh Nguyễn Minh T2 phải nộp án phí số tiền 1.391.137 (một triệu ba trăm chín mươi một nghìn một trăm ba mươi bảy) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại T1 được nhận lại số tiền 716.000 (bảy trăm mười sáu nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N<sub>o</sub> 0010630 ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**3.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Trần Quốc D2 là người đại diện theo ủy quyền không có quyền kháng cáo của nguyên đơn. Vắng mặt bà Nguyễn Đức Thạch D1 là người đại diện theo pháp luật, ông Cao Hồng S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo; anh Nguyễn Minh T2 là bị đơn. Báo cho bà D1, ông S, anh T2 vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ĐD.NĐ + BĐ: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Cao Minh Tân**